

恒元联合法律事务所 EVER ONE LAW FIRM

法规指南 BM-261006 Điểm tin Pháp luật 2026-10-03



标题	第 292/2029/NĐ-CP 号议定：详细规定进出口活动之新政策
Tiêu đề	NGHỊ ĐỊNH 292/2029/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ CÁC CHÍNH SÁCH MỚI CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU
编撰	阮氏燕儿 法务专员
Người soạn	Chuyên viên pháp lý Nguyễn Thị Yến Nhi
涉及范围	外贸管理法、行政程序、权限下放、数字化、许可核发、暂时进口再出口、外资企业、商业存在、货物留存期限、禁止进出口货物、加工活动、废料处理
Phạm vi liên quan	Luật Quản lý ngoại thương, Thủ tục hành chính, Phân cấp thẩm quyền, Số hóa, Cấp phép, Tạm nhập tái xuất, Doanh nghiệp FDI, Hiện diện thương mại, Thời hạn lưu giữ hàng hóa, Hàng hóa cấm xuất nhập khẩu, Hoạt động gia công, Xử lý phế liệu

第 292/2029/NĐ-CP 号议定：详细规定进出口活动之新政策

NGHỊ ĐỊNH 292/2029/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ CÁC CHÍNH SÁCH MỚI CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

自 2026 年 9 月 5 日起，越南政府发布之第 292/2026/NĐ-CP 号议定正式生效，该议定详细规定《外贸管理法》若干条款及其执行措施，并取代第 69/2018/NĐ-CP 号议定。新议定在多项内容上进行修订及补充，朝向权限下放、简化程序、加速数字化，以及取消部分营业条件等方向调整，预期将为企业在开展对外贸易活动过程中提供更多便利。

Từ ngày 05/9/2026, Nghị định số 292/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý ngoại thương chính thức có hiệu lực, thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP. Với nhiều nội dung được sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp, đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh số hóa và tháo gỡ một số điều kiện kinh doanh, Nghị định mới được kỳ vọng tạo thêm thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện hoạt động ngoại thương.

1. 行政程序之办理方

Phương thức thực hiện thủ tục hành chính

根据第 292/2026/NĐ-CP 号议定第 2 条，组织、个人可以透过国家公共服务入口网站、国家单一窗口信息入口网站或主管机关之行政程序办理信息系统在线提交申请文件；亦可亲自提交或透过邮政服务提交。

Theo Điều 2 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Cơ quan có thẩm quyền; nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

此外，使用非越南语言之文件、数据，均须翻译成越南语，并由法定代表人或授权代表进行核实。

Ngoài ra, các văn bản, tài liệu sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt phải được dịch sang tiếng Việt, xác thực bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền.

对于电子申请文件，应依电子环境下办理行政程序相关法律规定使用数字签名。电子申请文件中的各项数据均为电子副本。许可申请文件中的各项文件、数据，应由法定代表人或授权代表签署。如系依授权签署，申请文件中应附有依法律规定制作之授权文件。

Đối với hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là các bản sao điện tử. Các văn bản, tài liệu tại hồ sơ đề nghị cấp phép phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

各许可核发机关负责进行数据链路、共享，或将许可证上传至国家单一窗口信息入口网站，以供海关机关作为立即办理通关之依据（本议定第 62 条）。企业仅需使用数字签名及电子副本，最大限度减少纸本文件之负担。

Các cơ quan cấp phép có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu hoặc đăng tải giấy phép lên Cổng thông tin một cửa quốc gia để cơ quan Hải quan có căn cứ giải quyết thông quan ngay tức thì (Điều 62 Nghị định này). Doanh nghiệp chỉ cần sử dụng chữ ký số và bản sao điện tử, giảm thiểu tối đa áp lực hồ sơ bản giấy.

2. 下放省级人委会之许可核发权限：

第 292/2029/NĐ-CP 号议定：详细规定进出口活动之新政策

NGHỊ ĐỊNH 292/2029/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ CÁC CHÍNH SÁCH MỚI CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

Phân cấp thẩm quyền cấp phép cho UBND cấp tỉnh:

第 292/2026/NĐ-CP 号议定最具突破性的改革措施，是将许可核发权限从中央各部会大幅移转并下放至省级人委会。具体而言，目前省级人委会有权核发：(i) 出口货物之自由销售证明书（CFS）（第 12 条）；(ii) 暂时进口、再出口经营许可证（第 14 条）；(iii) 其他形式之暂时进口、再出口许可证（第 16 条）；(iv) 暂时出口、再进口许可证（第 17 条）；(v) 转口经营许可证（第 19 条）；以及 (vi) 出口军服加工许可证（第 39 条）。

Điểm cải cách đột phá nhất tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP là việc chuyển giao và phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền cấp phép từ các Bộ, ngành Trung ương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cụ thể, UBND cấp tỉnh hiện là cơ quan có thẩm quyền cấp (i) Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) cho hàng hóa xuất khẩu (Điều 12), (ii) Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (Điều 14), (iii) Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (Điều 16), (iv) Giấy phép tạm xuất, tái nhập (Điều 17), (v) Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (Điều 19) và (vi) Giấy phép gia công quân phục xuất khẩu (Điều 39).

此項權限下放有助於企業在當地辦理行政程序時，大幅縮短往返所需之時間及交通成本。

Sự phân cấp này giúp doanh nghiệp rút ngắn đáng kể thời gian và chi phí di chuyển khi thực hiện các thủ tục hành chính tại địa phương.

3. 简化行政程序，全面取消暂时进口、再出口经营编号

Cắt giảm thủ tục hành chính, bãi bỏ hoàn toàn mã số kinh doanh tái nhập, tái xuất:

根据本议定第 64 条第 2 款，针对冷冻食品、二手货物及应课特别消费税货物已核发之暂时进口、再出口经营编号，自 2026 年 7 月 1 日起正式失效。已取得暂时进口、再出口经营编号之企业，可向其取得该暂时进口、再出口经营编号而办理保证金存款之信用机构，申请提领已缴纳之保证金。信用机构有责任将企业已缴纳之保证金退还予企业。

Theo Khoản 2 Điều 64 Nghị định này, các mã số kinh doanh tạm nhập, tái đối với hàng thực phẩm đông lạnh, hàng đã qua sử dụng, hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt đã được cấp sẽ chính thức hết hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Các doanh nghiệp đã được cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất được rút số tiền đã ký quỹ tại tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ để phục vụ việc cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền doanh nghiệp đã ký quỹ cho doanh nghiệp.

4. 结果回复方式及缩短文件处理期限：

Hình thức trả kết quả và rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ:

许可核发程序已在时间方面进行优化。例如：出口自由销售证明书（CFS）之核发期限缩短为自收到完整且有效申请文件之日起 2 个工作日内（第 12 条）；暂时进口、再出口，暂时出口、再进口及转口许可证之处理期限为 5 个工作日（第 21 条）。

Quy trình cấp phép đã được tối ưu hóa về mặt thời gian. Ví dụ: Thời hạn cấp CFS xuất khẩu chỉ còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Điều 12); thời gian xử lý các Giấy phép tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu là 05 ngày làm việc (Điều 21).

第 292/2029/NĐ-CP 号议定：详细规定进出口活动之新政策

NGHỊ ĐỊNH 292/2029/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ CÁC CHÍNH SÁCH MỚI CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

根据本议定第 2 条第 5 款，办理结果可依实际情况，以纸本或电子文件形式灵活提供。

Theo Khoản 5 Điều 2 Nghị định này, thì kết quả được trả linh hoạt bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

5. 明确规定暂停出口、进口之货物：

Quy định rõ hơn về hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu

根据本议定第 6 条，进一步明确规定了依《外贸管理法》第 14 条第 1 款及第 66.18/2026/NQ-CP 号决议附件 I.2 第 1 节 B.I.1 点之规定，适用暂停出口、进口措施之货物，其出口、进口许可证核发程序中的申请文件组成、文件审查、征询专业管理机关意见，以及处理期限。透过上述明确规定，有助于企业更容易确认相关要求、提前准备申请文件，并掌握案件之处理进度。

Theo Điều 6 Nghị định này, đã bổ sung rõ hơn về thành phần hồ sơ, việc kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành và thời hạn giải quyết về việc cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Quản lý ngoại thương và điểm B.I.1 Mục 1 Phụ lục I.2 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP. Việc quy định rõ này giúp doanh nghiệp dễ xác định, chủ động chuẩn bị hồ và theo dõi tiến độ giải quyết.

6. 严格控管暂时进口、再出口货物之留存期限：

Kiểm soát chặt chẽ thời hạn lưu giữ hàng hóa tạm nhập, tái xuất:

根据本议定第 14 条第 5 款及第 16 条第 7 款，暂时进口、再出口经营之货物，自完成暂时进口海关手续之日起，在越南境内留存之期限不得超过 60 日。如有延期之必要，企业须向办理海关手续之海关机关提交书面申请；每批货物最多得延期 2 次，每次延期不得超过 30 日。

Theo Khoản 5 Điều 14 và Khoản 7 Điều 16 Nghị định, hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất được lưu lại tại Việt Nam không quá 60 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập. Trường hợp cần gia hạn, doanh nghiệp phải có văn bản gửi cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục; mỗi lô hàng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

逾上述期限后，企业必须依环境及海关相关法律规定，将货物再出口至越南境外或自行组织销毁，并承担全部相关费用。

Quá thời hạn này, doanh nghiệp buộc phải tái xuất ra khỏi Việt Nam hoặc tự tổ chức tiêu hủy (chịu toàn bộ chi phí) theo quy định pháp luật về môi trường và hải quan.

7. 严格规范外资经济组织（FDI）及无境内商业存在之商人：

Siết chặt quy định đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và thương nhân không hiện diện

根据本议定第 14 条第 2 款，外资经济组织（FDI）不得从事货物暂时进口、再出口经营活动，亦不得从事经由越南口岸进行转口之经营活动（本议定第 19 条第 2 款）。

Theo khoản 2 Điều 14 Nghị định, đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài **không được thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa và kinh doanh chuyển khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam** (Khoản 2 Điều 19 Nghị định này).

第 292/2029/NĐ-CP 号议定：详细规定进出口活动之新政策

NGHỊ ĐỊNH 292/2029/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ CÁC CHÍNH SÁCH MỚI CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

外国投资企业仅得依本议定第 16 条之规定，为保固、维修、租赁或借用之目的办理暂时进口、再出口；或在不经由越南口岸之情况下，直接将货物由出口国转口至进口国。

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện tạm nhập tái xuất để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê mượn theo Điều 16 Nghị định này hoặc chuyển khẩu thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam.

在越南无境内商业存在之外国商人，仅得购买货物后交付予境内商人，或出租、出借予境内商人，以供该境内商人履行与该无境内商业存在之外国商人自身所签订之加工合同；亦得购买货物，或接收加工合同项下之加工产品，以及剩余之原料、辅料、物资、零组件、半成品，并出售予境内商人，以供其生产出口货物（第 3 条第 3 款）。

Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam chỉ được mua hàng hóa để giao cho thương nhân trong nước hoặc cho thương nhân trong nước thuê, mượn để phục vụ hợp đồng gia công cho chính thương nhân không hiện diện đó; được mua hàng hóa hoặc nhận sản phẩm gia công, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm dư thừa của hợp đồng gia công và bán cho thương nhân trong nước để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu (Khoản 3 Điều 3).

8. 加工活动中维持货物原状及废料处理之原则

Nguyên tắc giữ nguyên trạng hàng hóa và xử lý phế liệu trong hoạt động gia công

暂时进口、再出口及暂时出口、再进口之货物，应确保其外观、用途及基本特性不发生改变，且不得产生其他货物（本议定第 16 条第 6 款、第 17 条第 7 款）。

Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phải bảo đảm không làm thay đổi hình dáng, công dụng, đặc tính cơ bản và không tạo ra hàng hóa khác (Khoản 6 Điều 16, Khoản 7 Điều 17 Nghị định này).

在加工过程中对废料、次品、报废机械及设备进行销毁时，必须严格遵守环境保护及海关相关法律规定。如环境保护法律不允许在越南境内进行销毁，则必须将其再出口至越南境外（本议定第 37 条第 4 款）。

Việc tiêu hủy phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị phế thải trong quá trình gia công phải tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về bảo vệ môi trường và hải quan. Nếu pháp luật bảo vệ môi trường không cho phép tiêu hủy tại Việt Nam thì bắt buộc phải tái xuất ra khỏi Việt Nam (Khoản 4 Điều 37 Nghị định này).

9. 补充禁止出口、进口货物之清单及标准（本议定第 5 条及附件 I）

Bổ sung Danh mục & Tiêu chuẩn Hàng hóa Cấm Xuất khẩu, Nhập khẩu (Điều 5 và Phụ lục I Nghị định này)

10. 第 292/2026/NĐ-CP 号议定自 2026 年 9 月 5 日起生效施行，并取代 2018 年 5 月 15 日第 69/2018/NĐ-CP 号议定。

Hiệu lực của Nghị định 292/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 9 năm 2026. (Thay thế Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018).



联络方式 / Liên lạc chúng tôi



No.190, Le Niem St., Phu Thanh Ward, HCMC, VN

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, HaNoi, VN

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



广州市天河区金穗路8号 - 星汇国际大厦 22楼
F22 号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
为您思考 用心服务

